

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-PT
Ngày 21 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như
Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám
Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 34/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Trần Minh Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Minh Đ** (tên gọi khác: P), sinh năm 1984 tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh T và bà Bùi Kim N; vợ tên là Đào Thị T; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Bị hại không có kháng cáo: Anh Đỗ Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 11/3/2018, tại nhà ông Nguyễn Văn T thuộc ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có tổ chức uống rượu với Trần Minh Đ, Đỗ Thanh T, Nguyễn Văn Q (Đ), Giang Kim T và Nguyễn Thanh D. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày giữa Đ và Q xảy mâu thuẫn cự cãi với nhau thì được mọi người can ngăn và D điều khiển xe chở Đ về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày Đ cùng chị Đào Thị T (Vợ của Đ) quay trở lại nhà ông Văn T, khi Đ đến trước sân nhà ông Văn T thì giữa Đ và Q tiếp tục cự cãi và xảy ra xô xát với nhau được mọi người can ngăn, trong lúc can ngăn làm Đ bị té xuống đồng cũi trước nhà ông Văn T, lúc này Đ dùng tay phải nhặt 01 đoạn gỗ dạng tròn ném về phía anh Q, nhưng không trúng Q mà trúng vào vùng trán của Đỗ Thanh T làm T bất tỉnh.

Đ được vợ là Thị T đưa về nhà, còn Đỗ Thanh T được gia đình đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu, sau đó chuyển đến bệnh viện quân y 121 điều trị; đến ngày 28/3/2018 thì xuất viện.

Đồ vật thu giữ gồm: 01 (Một) đoạn gỗ dạng tròn, chiều dài 40 cm, đường kính 10 cm; 01 (Một) đoạn gỗ dạng tròn, chiều dài 35 cm, đường kính 09 cm (Vật có tính chất, đặc điểm tương đồng).

Theo kết luận giám định số 94/TgT ngày 31/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu xác định: Đỗ Thanh T bị máu tụ dưới màng cứng vùng trán trái lượng ít, đã điều trị không có di chứng thần kinh, tỷ lệ 23%; vỡ xoang trán trái di lệch, tỷ lệ 16%; hết sưng nề vùng trán, hết bầm tím hai mắt không quy định tỷ lệ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 35%. Vật gây thương tích là vật tày.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) . Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 3 (ba) năm 4 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015; mục 4, 5 phần I, mục 1 phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng buộc bị cáo Trần Minh Đ phải bồi thường cho Đỗ Thanh T số tiền 40.704.464 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, bị cáo Trần Minh Đ kháng cáo các nội dung: Bị cáo không đồng ý giám định đoạn gỗ tương đồng làm căn cứ xét xử bị cáo; bị

cáo và Q có mâu thuẫn trước bị cáo mới dùng đoạn gỗ ném Q, nên không đồng ý tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ; không đồng ý kết luận giám định thương tích của bị hại; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại là chưa phù hợp và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh Đ và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh Đ thừa nhận vào ngày 11/3/2018 bị cáo và anh Q có mâu thuẫn nên bị cáo đã dùng đoạn gỗ ném anh Q nhưng trúng anh Thanh T gây thương tích. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại; Kết luận giám định pháp y về thương tích số 94/TgT ngày 31/5/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu và các chứng cứ khác đã có trong hồ sơ nên việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, không oan cho bị cáo.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với kháng cáo không đồng ý giám định đoạn gỗ tương đồng làm căn cứ xét xử bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo cho rằng đoạn cây bị cáo ném trúng anh Thanh T bằng đoạn cây mục, chứ không rắn chắc như đoạn gỗ được thu giữ; xét lời trình bày của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ tại biên bản ghi lời khai ngày 06/7/2018 (bút lục 66) bị cáo khai: “ *Khi tôi té ngã vào đống củi gỗ trên sân nhà ông T thì tôi có cầm một đoạn củi gỗ và chọi về phía anh Đ, tuy nhiên đoạn củi không trúng anh Đ mà trúng anh Thanh T đang ngồi nhậu chung, tôi xin quá nên không nhớ được đặc điểm của đoạn gỗ nói trên là như thế nào*”; Tại phiên tòa sơ thẩm ông Văn T xác định đoạn củi bị cáo Đ dùng ném trúng anh Thanh T là lấy ở phía cùng 01 cây gỗ mà trước đó đã được cắt ra và ông Văn T cũng khẳng định đoạn gỗ bị cáo ném giống với đoạn gỗ trong bản ảnh; người làm chứng là chị Tạ Thị Cẩm T cũng xác định đoạn gỗ trong bản ảnh tương tự như đoạn gỗ bị cáo ném trúng anh Thanh T.

Như vậy, sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan điều tra không thu giữ được đoạn gỗ mà bị cáo ném, bị cáo không nhớ đoạn gỗ như thế nào; theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có mặt tại hiện trường thì đoạn gỗ trong bản ảnh tương tự như đoạn gỗ bị cáo ném trúng anh T; Tại kết luận giám định số 2462/1/C54B ngày 02/7/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận 02 đoạn gỗ gửi giám định là hung

khí nguy hiểm nên việc cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” là có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo bị cáo cho rằng bị cáo và Q có mâu thuẫn trước bị cáo mới dùng đoạn gỗ ném Q, nên không đồng ý tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ: Theo lời khai của bị cáo thì mâu thuẫn của bị cáo và anh Q chỉ là không đồng ý cách xưng hô giữa bị cáo và vợ anh Q, việc cãi vã đã được can ngăn và anh D đã đưa bị cáo về nhà, nhưng sau đó bị cáo lại quay trở lại chỗ anh Q đang nhậu và tiếp tục cự cãi, khi được can ngăn bị cáo lại dùng đoạn gỗ ném anh Q nhưng trúng anh T. Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo đã có hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác nên đã thể hiện rõ hành vi côn đồ của bị cáo nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung là phạm tội có tính chất côn đồ theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Xét yêu cầu của bị cáo về việc xem xét lại kết luận giám định, bị cáo cho rằng kết luận giám định xác định bị hại T bị vỡ xoang trán trái là không phù hợp vì theo giấy y chứng của bệnh viện xác định bị hại T không bị vỡ xoang trán trái nên dẫn đến việc kết luận bị hại bị tổn thương với tỷ lệ 35% là hoàn toàn không đúng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy y chứng của bệnh viện Quân y 121 xác định bị hại bị rạn xương sọ vùng trán và giấy y chứng lần hai xác định bị vỡ xoang trán trái; sự khác biệt đã được bệnh viện Quân y 121 trả lời tại công văn số 54 ngày 05/3/2019 (BL 242c) là do cách ghi khác nhau nhưng là cùng một tổn thương, giấy chứng nhận lần hai chỉ nhằm xác định chính xác vị trí tổn thương và trong quá trình điều tra bị cáo đã được giao bản kết luận vào ngày 03/6/2018 và bị cáo đồng ý với kết luận giám định (bút lục 57A). Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bị cáo.

[2.4] Đối với nội dung bị cáo kháng cáo về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo thừa nhận thương tích của anh T là do bị cáo gây ra và bị cáo đã bồi thường cho anh T trong thời gian anh T nằm viện với tổng chi phí là 22.000.000 đồng, nội dung này anh T đã thừa nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với yêu cầu của anh T về chi phí tái khám, tiền tàu xe, ngày công lao động và tiền tổn thất tinh thần, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo toa vé và theo qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử xem xét cụ thể các chi phí như sau:

- Tiền thuốc và chi phí chụp cắt lớp sọ não: 9.700.464đ
- Tiền tàu xe: 2.092.000đ

- Tiền mất thu nhập của anh T: Tại tòa bị cáo cho rằng anh T không có làm nhân công gia công đồ nhôm, nhưng tại biên bản xác minh ngày 30/11/2018 thể hiện anh T là công nhân gia công đồ nhôm, thu nhập mỗi ngày 250.000đ; thời gian nằm viện và đi tái khám của anh T là 22 ngày x 250.000đ = 5.500.000đ

- Tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh: Trong thời gian anh T nằm viện, chị T1 là người chăm sóc anh T, thực tế chị T1 đã chi phí tiền tàu xe đi lại là

312.000đ; tiền mất thu nhập của chị T1 150.000đ/ 1 ngày. Như vậy chi phí hợp lý cho việc chăm sóc bị hại là 312.000đ + (15 ngày x 150.000đ) = 2.562.000đ.

- Tiền tổn thất tinh thần: 1.390.000đ x 15 tháng = 20.850.000đ

Tổng cộng: 40.704.464đ. Như vậy, bản án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 40.704.464đ là có căn cứ.

[2.5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo đã có hành vi dùng đoạn gỗ ném vào bị hại gây tổn hại sức khỏe là 35%. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, mặc dù ý định bị cáo muốn ném đoạn gỗ vào người anh Q nhưng lại trúng vào bị hại T và bị cáo biết rõ việc ném một đoạn gỗ vào chỗ nhiều người đang ngồi sẽ gây tổn hại sức khỏe của người khác, nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm hại đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nên cần phải xét xử nghiêm, mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS nên được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[3] Theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 05 đến 10 năm tù; cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự nhưng xử phạt bị cáo mức án 3 năm 4 tháng tù là có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về các tình tiết định khung và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên được chấp nhận; riêng về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm là nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Minh Đ kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí.

[6] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Minh Đ, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 3 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 590 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Buộc bị cáo Trần Minh Đ phải bồi thường cho anh Đỗ Thanh T số tiền 40.704.464 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

4. Về án phí: Áp dụng các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Minh Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Buộc bị cáo Trần Minh Đ phải nộp 2.035.223đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND huyện H (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND huyện H (02b);
- CQĐT huyện H (01b);
- Chi cục THADS huyện H (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Bị hại (01b);
- Người liên quan (01b);
- Lưu .

Trần Ngọc Như